

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3007/2024/DS-ST  
Ngày: 10/7/2024  
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung  
và tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Mai Hương

2/ Ông Lê Văn Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1714/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp chia thừa kế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4225/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng X - sinh năm 1965

Địa chỉ: số F Đường E, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tiến S - sinh năm 1960

Địa chỉ: Số H đường Q, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh  
(có mặt)

(Văn bản ủy quyền số công chứng 013773, quyền số 138/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C thành phố chứng nhận ngày 23/11/2023)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Trường T - sinh năm 1991

Địa chỉ: số F Đường E, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh  
(vắng mặt)

2.2 Bà Nguyễn Ý N - sinh năm 1993

Địa chỉ: số F Đường E, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Đ - sinh năm 1960

Địa chỉ: số H đường V, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số công chứng 000073, quyền số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C thành phố chứng nhận ngày 03/01/2024)

2.3 Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1935

Địa chỉ: số A ấp P, Khu B, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2023 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Hồng X và bà Trần Thị P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 26/7/1989. Bà P đã chết ngày 04/12/2020 và được Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy khai tử số 123 ngày 05/12/2020. Bà P chết không để lại di chúc.

Ông X và bà P có 02 con chung là Nguyễn Trường T sinh năm 1991 và Nguyễn Ý N sinh năm 1993. Cha bà P là ông Trần Văn B đã chết ngày 21/4/2001 và mẹ bà P là bà Nguyễn Thị K.

Quá trình chung sống, ông X bà P có tạo lập được tài sản chung là các tài khoản tiết kiệm do bà P đứng tên gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1, số tiền tại các tài khoản tiết kiệm tính đến ngày 04/7/2024 như sau:

- Tài khoản số 0485000985510, ngày gửi 18/12/2018, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 191.708.371 đồng

- Tài khoản số 0485000951793, ngày gửi 11/9/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 130.000.000 đồng

- Tài khoản số 0485000945785, ngày gửi 21/6/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 100.000.000 đồng

- Tài khoản số 0485001012561, ngày gửi 16/12/2019, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 537.008.163 đồng

- Tài khoản số 0485000885344, ngày gửi 25/3/2015, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 670.000.000 đồng

- Tài khoản số 001014139058 ngày gửi 13/5/2020, kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 299.295.007 đồng

- Tài khoản số 001016769837, ngày gửi 02/10/2020, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 190.379.861 đồng

Tổng số tiền của các tài khoản tiết kiệm trên là 2.118.391.402 đồng. Do đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên ông X yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  tài sản của ông X là 1.059.195.701 đồng và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà P là 1.059.195.701 đồng cho 04 người thừa kế của bà P gồm bà K, ông X, ông T, bà N mỗi người nhận kỹ phần là  $\frac{1}{4}$  tài sản của bà P để lại là 264.798.925 đồng.

Ngoài ra, phần tiền lãi phát sinh tại các tài khoản tiết kiệm nêu trên kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi tất toán các tài khoản tiết kiệm sẽ được chia theo cách chia như trên,  $\frac{1}{2}$  là của ông X và  $\frac{1}{2}$  là di sản của bà P thì chia cho các thừa kế của bà P mỗi người nhận  $\frac{1}{4}$ .

Tại đơn khởi kiện, ông X yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế đối với tài khoản số 0481000757096 với số tiền là 5.069.889 đồng. Nay ông X rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

\* Bà Nguyễn Ý N có người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông X và bà P là cha mẹ của bà N. Bà P đã chết ngày 04/12/2020 và không để lại di chúc. Ông X, bà P có 02 người con chung là ông T và bà N, cha mẹ của bà P là ông Trần Văn B (đã chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị K, là ông bà ngoại của bà N. Khi còn sống, bà P có đứng tên các tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1 với số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2023 là 2.047.713.595 đồng. Nay bà N thông nhất ý kiến với ông X, đồng ý với cách chia và yêu cầu chia thừa kế của ông X. Người đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Các đương sự còn lại gồm ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông X khởi kiện yêu cầu chia tài sản trong khối tài sản chung và tranh chấp chia thừa kế. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế” là chưa đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp chia thừa kế”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T, bà N cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Bà Nguyễn Ý N có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị K đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Xét, ông X thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tranh chấp số tiền tính đến ngày 04/7/2024 và chia số tiền lãi phát sinh từ ngày 05/7/2024 cho đến thời điểm tất toán các tài khoản tiết kiệm là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ông X rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế đối với tài khoản số 0481000757096 với số tiền là 5.069.889 đồng. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

6.1 Căn cứ giấy công nhận kết hôn số 74, quyển 01 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/1989 cho ông Nguyễn Hồng X và bà Trần Thị P, có cơ sở xác định ông X và bà P là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật công nhận.

6.2 Căn cứ giấy chứng tử số 123 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T cấp ngày 05/12/2020 có cơ sở xác định bà Trần Thị P đã chết ngày 04/12/2020. Do đó, thời điểm mở thừa kế của bà Trần Thị P được xác định là ngày 04/12/2020.

6.3 Căn cứ kết quả xác minh tại Công an phường L cung cấp thông tin như sau: Theo thông tin kết quả quản lý dữ liệu dân cư của bà Trần Thị P thì có tên ông Trần Văn B (thể hiện mối quan hệ là cha) và có tên bà Nguyễn Thị K (thể

hiện mối quan hệ là mẹ). Do đó, có căn cứ xác định cha mẹ của bà P là ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị K.

6.4 Căn cứ văn bản số 06/UBND ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và giấy khai tử số 04/2001 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 21/4/2001 có cơ sở xác định ông Trần Văn B đã chết ngày 21/4/2001.

6.5 Căn cứ văn bản số 155/UBND ngày 19/3/2024 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông X, bà P có 02 con chung là ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Ý N.

Từ những căn cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 611, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở xác định bà P không để lại di chúc và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị P gồm có bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Hồng X, ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Ý N.

6.6 Căn cứ xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1 tính đến ngày 04/7/2024 bà P có đứng tên các tài khoản tiết kiệm sau:

- Tài khoản số 0485000985510, ngày gửi 18/12/2018, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 191.708.371 đồng

- Tài khoản số 0485000951793, ngày gửi 11/9/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 130.000.000 đồng

- Tài khoản số 0485000945785, ngày gửi 21/6/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 100.000.000 đồng

- Tài khoản số 0485001012561, ngày gửi 16/12/2019, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 537.008.163 đồng

- Tài khoản số 0485000885344, ngày gửi 25/3/2015, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 670.000.000 đồng

- Tài khoản số 001014139058 ngày gửi 13/5/2020, kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 299.295.007 đồng

- Tài khoản số 001016769837, ngày gửi 02/10/2020, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 190.379.861 đồng

Căn cứ quy định tại Điều 29, Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Các tài khoản tiết kiệm do bà P gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - chi nhánh B1 trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2015 đến ngày 02/10/2020, trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với ông X nên

tổng số tiền tại các tài khoản tiết kiệm được xác định là tài sản chung của ông X, bà P và phần tài sản của mỗi người là 50% khối tài sản chung. Do đó, ông X yêu cầu được nhận phần tài sản của ông X là có cơ sở chấp nhận.

Bà P chết không để lại di chúc nên phần di sản của bà P được chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người gồm bà K, ông X, ông T, bà N, mỗi người được nhận kỹ phần là  $50\% : 4 = 12,5\%$  giá trị di sản của bà P.

Theo xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - chi nhánh B1 tính đến ngày 04/7/2024 các tài khoản tiết kiệm có tổng giá trị là 2.118.391.402 đồng. Ông X được nhận 50% phần tài sản của ông X là 1.059.195.701 đồng. Bà K, ông X, ông T, bà N, mỗi người được nhận kỹ phần là 12,5% di sản của bà P là  $1.059.195.701 \text{ đồng} : 4 = 264.798.925 \text{ đồng}$  (làm tròn).

Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi tất toán các tài khoản tiết kiệm, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Hồng X, ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Ý N còn tiếp tục được nhận phần tiền lãi phát sinh tại các tài khoản tiết kiệm nêu trên theo tỉ lệ ông Nguyễn Hồng X được nhận 62,5%, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Ý N mỗi người được nhận 12,5%.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà K thuộc đối tượng được miễn án phí. Tòa án đã giải thích pháp luật nhưng bà K không có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét miễn án phí cho bà K. Do đó, các đương sự có trách nhiệm nộp án phí tương ứng với phần tài sản mà mình được nhận, cụ thể ông X phải nộp 51.719.839 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà K, ông T, bà N mỗi người phải nộp 13.239.946 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 611, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà **Trần Thị P** gồm: Bà **Nguyễn Thị K**, ông **Nguyễn Hồng X**, ông **Nguyễn Trường T**, bà **Nguyễn Ý N**.

1.2 Xác định thời điểm mở thừa kế của bà **Trần Thị P** là ngày 04/12/2020

1.3 Ông **Nguyễn Hồng X** được nhận 50% với số tiền là 1.059.195.701 (một tỷ không trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ một) đồng tính đến ngày 04/7/2024 tại các tài khoản tiết kiệm đứng tên bà **Trần Thị P** đang gửi tại **Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - chi nhánh B1**, cụ thể như sau:

- Tài khoản số 0485000985510, ngày gửi 18/12/2018, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 191.708.371 (một trăm chín mươi một triệu bảy trăm lẻ tám ngàn ba trăm bảy mươi một) đồng.

- Tài khoản số 0485000951793, ngày gửi 11/9/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Tài khoản số 0485000945785, ngày gửi 21/6/2017, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Tài khoản số 0485001012561, ngày gửi 16/12/2019, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 537.008.163 (năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi ba) đồng.

- Tài khoản số 0485000885344, ngày gửi 25/3/2015, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Tài khoản số 001014139058 ngày gửi 13/5/2020, kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 299.295.007 (hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy) đồng.

- Tài khoản số 001016769837, ngày gửi 02/10/2020, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 190.379.861 (một trăm chín mươi triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi một) đồng.

1.4 Bà **Nguyễn Thị K**, ông **Nguyễn Hồng X**, ông **Nguyễn Trường T**, bà **Nguyễn Ý N** mỗi người được chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị P** tại các tài khoản tiết kiệm nêu trên với tỉ lệ 12,5% tổng giá trị các tài khoản tiết kiệm với số tiền tính đến ngày 04/7/2024 là 264.798.925 (hai trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn chín trăm hai mươi lăm) đồng (làm tròn).

1.5 Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi tất toán các tài khoản tiết kiệm, bà **Nguyễn Thị K**, ông **Nguyễn Hồng X**, ông **Nguyễn Trường T**, bà **Nguyễn Ý N** còn tiếp tục được nhận phần tiền lãi phát sinh tại các tài khoản tiết kiệm nêu trên theo tỉ lệ ông **Nguyễn Hồng X** được nhận 62,5%, bà **Nguyễn Thị K**, ông **Nguyễn Trường T**, bà **Nguyễn Ý N** mỗi người được nhận 12,5% của số tiền gốc chưa tất toán theo mức lãi suất quy định của **Ngân hàng thương mại cổ phần N1 - chi nhánh B1**.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng X đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế đối với tài khoản số 0481000757096 với số tiền là 5.069.889 (năm triệu không trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín) đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Nguyễn Hồng X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.719.839 (năm mươi một triệu bảy trăm mười chín ngàn tám trăm ba mươi chín) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 25.197.315 (hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm mười lăm) đồng ông Nguyễn Hồng X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0005490 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (biên lai thu trên dịch vụ công số 000000745998 ngày 27/10/2023). Ông Nguyễn Hồng X còn phải nộp 26.522.524 (hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi hai ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

3.2 Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Ý N mỗi người phải nộp 13.239.946 (mười ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Thủy**



